

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT HUỲNH VĂN NGHỆ

BẢNG TỔNG HỢP NGÀY CÔNG LÀM VIỆC THỰC TẾ TRONG QUÝ 2/2026

(Kèm theo Quyết định số:/QĐ-THPT HVN ngày 17/7/2026
của Trường THPT Huỳnh Văn Nghệ)

STT	Họ tên	Chức vụ/chức danh	Ngày làm việc thực tế			Tổ số ngày làm việc thực tế trong quý	Ghi chú
			Tháng 04	Tháng 05	Tháng 06		
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	<i>12</i>	<i>13</i>	<i>14</i>	<i>15</i>	<i>17</i>
1	Nguyễn Tấn Tài	Hiệu trưởng	20	20	22	62	
2	Mai Long Thời	Phó hiệu trưởng	20	20	17	54.5	
3	Lê Phương Thảo	Phó hiệu trưởng	20	20	22	62	
4	Trần Thanh Phong	Tổ trưởng chuyên môn	20	20	15	55	
5	Lâm Văn Thành	Giáo Viên	20	20	9	49	
6	Nguyễn Văn Đức	Giáo Viên	20	20	5.5	45.5	
7	Ngô Thị Ngọc Hòa	Giáo Viên	20	20	10.5	50.5	
8	Lương Thị Tuyết Nhung	Giáo Viên	20	20	8.5	48.5	
9	Tổng Thị Lệ Hằng	Tổ trưởng chuyên môn	20	20	10.5	50.5	
10	Nguyễn Thị Lai	Giáo Viên	20	20	10	50	
11	Lê Thị Thu Hương	Thư Viện	20	20	16	56	
12	Lê Cẩm Tú	tổ trưởng tổ văn nghệ	19	20	18	57	
13	Nguyễn Ngọc Lan	Giáo Viên	20	20	6.5	46.5	
14	Trương Thanh Hòa	Giáo Viên	20	20	8	48	
15	Nguyễn Ngọc Thanh Hiền	Giáo Viên	20	20	10.5	50.5	
16	Mai Thị Bích Vân	Giáo Viên	20	20	21.5	61.5	
17	Nguyễn Thị Thu Hương	Giáo Viên	20	20	10.5	50.5	
18	Đỗ Hạnh Vi	Giáo Viên	20	20	13.5	53.5	
19	Nguyễn Thị Hà	Giáo Viên	20	20	13.5	53.5	
20	Ngô Văn Nhi	Giáo Viên	20	20	9.5	49.5	
21	Phạm Trung Hồ	Giáo Viên	20	20	9	49	
22	Phan Duy Khiêm	Tổ trưởng chuyên môn	20	20	12.5	52.5	
23	Bùi Thị Bích Thảo	Giáo Viên	20	20	16	56	
24	Nguyễn Thanh Sơn	Giáo Viên	20	20	13.5	53.5	
25	Phạm Quốc Chung	Giáo Viên	20	20	11.5	51.5	

STT	Họ tên	Chức vụ/chức danh	Ngày làm việc thực tế			Tổ số ngày làm việc thực tế trong quý	Ghi chú
			Tháng 04	Tháng 05	Tháng 06		
26	Nguyễn Bình An	Giáo Viên	20	20	8	48	
27	Nguyễn Thanh Hải	Giáo viên + Tổ trưởng chuyên môn	20	20	9.5	49.5	
28	Trần Thị Lý	Giáo viên + Tổ trưởng chuyên môn	20	20	11.5	51.5	
29	Phạm Ngọc Thanh	Giáo Viên	20	20	7.5	47.5	
30	Trần Thị Mộng Thu	Giáo Viên	20	20	13	53	
31	Huỳnh Thị Khánh Trang	Giáo Viên	20	20	13	53	
32	Lê Thị Phương Thảo	Giáo Viên	20	20	8.5	48.5	
33	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Giáo Viên	20	20	11.5	51.5	
34	Nguyễn Thị Quỳnh Trúc	Giáo Viên + Tổ phó chuyên môn	20	20	14.5	54.5	
35	Nguyễn Quang Vinh	Giáo Viên	20	20	9.5	49.5	
36	Nguyễn Trần Cẩm Thúy	Giáo Viên	20	20	5	45	
37	Nguyễn Thị Hữu Tuyền	Giáo Viên + Tổ phó chuyên môn	20	20	10	50	
38	Lê Thị Mai Thi	Giáo Viên	20	20	10.5	50.5	
39	Bùi Thị Cẩm Vân	Giáo viên + Tổ trưởng chuyên	20	20	15	55	
40	Nguyễn Thị Hương Thơm	Giáo viên + Tổ trưởng chuyên	20	20	15.5	55.5	
41	Trần Thị Thanh	Giáo Viên	20	20	14.5	54.5	
42	Phạm Quốc Trị	Giáo Viên	20	20	16	56	
43	Vũ Thị Thanh Mai	Giáo Viên	20	20	15	55	
44	Nguyễn Văn Hò	Giáo Viên	20	20	17	57	
45	Nguyễn Trần Yến Trang	Giáo Viên	20	20	10	50	
46	Nguyễn Minh Đạt	Giáo Viên + Tổ phó chuyên môn	20	20	20	60	
47	Trần Anh Dũng	Giáo Viên	20	20	16	56	
48	Nguyễn Thị Trà My	Giáo Viên	20	20	13.5	53.5	
49	Nguyễn Thị Mai Linh	Giáo Viên	20	20	13.5	53.5	
50	Nguyễn Bùi Mỹ Linh	Giáo Viên + Tổ phó chuyên môn	20	20	14.5	54.5	
51	Trần Trọng Tú	Giáo Viên	20	20	8.5	48.5	
52	Nguyễn Duy Phong	Giáo Viên + Tổ phó chuyên môn	20	20	13	53	
53	Phan Thị Đỗ Quyên	Giáo Viên + Tổ phó chuyên môn	20	20	15	55	
54	Nguyễn Thị Kim Loan	Giáo Viên	20	20	7	47	
55	Tào Thị Thúy	Giáo Viên	20	20	8.5	48.5	

STT	Họ tên	Chức vụ/chức danh	Ngày làm việc thực tế			Tổ số ngày làm việc thực tế trong quý	Ghi chú
			Tháng 04	Tháng 05	Tháng 06		
56	Nguyễn Thị Huế	Giáo Viên			5.5	5.5	
57	Trần Thị Tuyết Nga	Giáo Viên	20	20	8.5	48.5	
58	Nguyễn Lưu Hoàng Hữu D	Giáo Viên	20	20	9.5	49.5	
59	Ngô Ngọc Ánh	Giáo Viên	20	20	9.5	49.5	
60	Nguyễn Thị Thúy Hằng	Giáo Viên	20	20	11	51	
61	Đậu Văn Vinh	Giáo Viên + Tổ phó chuyên môn	20	20	14.5	54.5	
62	Lê Hữu Phước	Giáo Viên + Tổ phó chuyên môn	20	20	15	55	
63	Nguyễn Phụng Hiếu	Giáo Viên	20	20	13.5	53.5	
64	Lê Quốc Anh	Giáo viên	20	20	14.5	54.5	
65	Nguyễn Duy Thái Uyên	Giáo Viên	20	20	13.5	53.5	
66	Phạm Đình Phùng	Giáo Viên	20	20	14	54	
67	Lê Vũ Ngọc Hậu	Giáo Viên	20	20	12	52	
68	Nguyễn Thị Bình An	Giáo Viên	20	20	14.5	54.5	
69	Lê Thị Thùy Trang	Giáo Viên	20	20	13.5	53.5	
70	Đặng Thị Phương Loan	Giáo Viên	20	20	9.5	49.5	
71	Phùng Thị Mai	Kế Toán	20	20	22	62	
72	Trần Thị Thảo	Giáo Viên	20	20	10.5	50.5	
73	Trần Diệu Khánh	Giáo Viên	20	20	10.5	50.5	
74	Đỗ Đức Tập	Giáo Viên	20	20	12.5	52.5	
75	Nguyễn Hồng Nhung	Giáo Viên	20	20	7	47	
76	Phan Thành Nghĩa	Giáo Viên		20	7	27	
77	Mai Ngọc Ngân	Phục vụ	20	20	22	62	
78	Trương Hồng Thanh	Bảo vệ	20	20	22	62	
79	Võ Thanh Dũng	Bảo vệ	20	20	22	62	
80	Nguyễn Chí Cường	Bảo vệ	20	20	22	62	
81	Trần Lệ Nhã	Y tế	20	20	22	62	
82	Đinh Hồng Phi	nhân viên CNTT	20	20	22	62	
<u>Tổng cộng</u>			1,599	1,620	1,065	4,281	

STT	Họ tên	Chức vụ/chức danh	Ngày làm việc thực tế			Tổ số ngày làm việc thực tế trong quý	Ghi chú
			Tháng 04	Tháng 05	Tháng 06		